

Số: 43/2020/QĐST-HNGĐ

Hương Thủy, ngày 21 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Hà Thúc N, sinh năm 19..; địa chỉ: Thôn H, xã D, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Trần Thị N1, sinh năm 19..; địa chỉ: Thôn H, xã D, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Hà Thúc N và chị Trần Thị N1 đăng ký hôn vào ngày 20/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị N1 là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị N1 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh N và chị N1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh N và chị N1.

[2]. Về con chung và việc nuôi con: Anh Hà Thúc N và chị Trần Thị N1 công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Thị Yến N2, sinh ngày/2018. Hai bên thỏa thuận giao cháu Hà Thị Yến N2 cho chị Trần Thị N1 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Hà Thúc N phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Hà Thúc N và chị Trần Thị N1 trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Thúc N và chị Trần Thị N1 thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh Hà Thúc N và chị Trần Thị N1 công nhận vợ chồng có 01 con chung là Hà Thị Yến N2, sinh ngày2018. Anh N và chị N1 thỏa thuận giao cháu Hà Thị Yến Nhi cho chị Trần Thị N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Thúc N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi.

Anh Hà Thúc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Trần Thị N1 có đơn yêu cầu thi hành án, anh Hà Thúc N không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Hà Thúc N và chị Trần Thị N1 trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, anh Hà Thúc N và chị Trần Thị N1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Hà Thúc N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001219 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Trần Thị N1 đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001220 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh N và chị N1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND xã T (ĐKKH ngày 20/11/2018);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Thảo

- - - -